

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

-----

**HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ**

**AGENCY CONTRACT**

Số/No.: ...../HĐKT

Hôm nay, ngày...tháng...năm..., tại .....

Chúng tôi gồm:

Today, ....., at .....

We include:

**Công ty:** .....(sau đây gọi là bên A):

*Company:* .....(hereinafter referred to as party A):

Giấy phép Đăng ký Kinh doanh:.....

*Business license:*.....

Trụ sở:.....

*Headquarters:*.....

Tài khoản số:.....

*Account No:*.....

Điện thoại: ..... Fax:.....

*Telephone:* .....*Fax:*.....

Đại diện: Ông (Bà):.....

*Representative: Mr. (Mrs.):*.....

**Công ty:** .....(sau đây gọi là bên B):

*Company:* .....(hereinafter referred to as party B):

Giấy phép Đăng ký Kinh doanh:.....

*Business license:*.....

Trụ sở:.....

Headquarters:.....

Tài khoản số:.....

Account No:.....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Telephone: .....Fax:.....

Đại diện: Ông (Bà):.....

Representative: Mr. (Mrs.):.....

*Sau khi bàn bạc hai bên nhất trí cùng ký kết hợp đồng đại lý với nội dung và các điều khoản sau đây:*

*After discussion, both parties have agreed to sign an Agency contract with the following terms and conditions:*

## **Điều 1: Điều khoản chung**

### **Article 1: General Provisions**

Bên B nhận làm đại lý bao tiêu cho Bên A các sản phẩm.....mang nhãn hiệu: .....và theo đăng ký chất lượng số:.....do Bên A sản xuất và kinh doanh. Bên B tự trang bị cơ sở vật chất, địa điểm kinh doanh, kho bãi và hoàn toàn chịu trách nhiệm tất cả hàng hóa đã giao trong việc tồn trữ, trưng bày, vận chuyển. Bên B bảo đảm thực hiện đúng các biện pháp tồn trữ, giữ được phẩm chất hàng hóa như Bên A đã cung cấp, đến khi giao cho người tiêu thụ. Bên A không chấp nhận hoàn trả hàng hóa do bất kỳ lý do gì (ngoại trừ trường hợp có sai sót về sản phẩm).

*Party B agrees to act as the exclusive agent for Party A's products, which bear the brand name: ....., and according to the quality registration number: ....., produced and traded by Party A. Party B will provide its own facilities, business locations, and warehouses, and will take full responsibility for all goods delivered, including storage, display, and transportation. Party B ensures the proper implementation of storage measures to maintain the quality of the goods as provided by Party A until they are delivered to consumers. Party A does not accept returns for any reason, except in cases of product defects.*

## **Điều 2: Phương thức giao nhận**

### **Article 2: Delivery method**

1. Bên A giao hàng đến cửa kho của Bên B hoặc tại địa điểm thuận tiện do Bên B chỉ định. Bên B đặt hàng với số lượng, loại sản phẩm cụ thể bằng thư, fax, điện tính.

*Party A delivers goods to Party B's warehouse door or to a convenient location designated by Party B. Party B places orders with specific quantities and types of products via mail, fax, or email.*

2. Chi phí xếp dỡ từ xe vào kho của Bên B do Bên B chi trả (kể cả chi phí lưu xe do xếp dỡ chậm).

*Party B will bear the costs of unloading goods from the vehicle into its warehouse (including any vehicle detention fees due to delayed unloading).*

3. Số lượng hàng hóa thực tế Bên A cung cấp cho bên B có thể chênh lệch với đơn đặt hàng nếu Bên A xét thấy đơn đặt hàng đó không hợp lý. Khi đó hai bên phải có sự thỏa thuận về khối lượng, thời gian cung cấp.

*The actual quantity of goods supplied by Party A to Party B may differ from the order if Party A deems the order unreasonable. In such cases, the two parties must agree on the quantity and delivery time.*

4. Thời gian giao hàng:.....(để tham khảo, sẽ có thời gian cụ thể cho từng cửa hàng).

*Delivery time: ..... (for reference, specific times will be provided for each delivery).*

### **Điều 3: Phương thức thanh toán**

#### **Article 3: Payment method**

1. Bên B thanh toán cho Bên A tương ứng với giá trị số lượng hàng giao ghi trong mỗi hóa đơn trong vòng ..... ngày kể từ ngày cuối của tháng Bên B đặt hàng.

*Party B shall pay Party A an amount corresponding to the value of the goods delivered as recorded on each invoice within ..... days from the end of the month in which Party B placed the order.*

2. Giới hạn mức nợ: Bên B được nợ tối đa là..... bao gồm giá trị các đơn đặt hàng trước đang tồn đọng cộng với giá trị của đơn đặt hàng mới. Bên A chỉ giao hàng khi Bên B thanh toán cho bên A sao cho tổng số nợ tồn và giá trị đặt hàng mới nằm trong mức nợ được giới hạn.

*Debt limit: Party B may owe a maximum of ....., including the value of outstanding previous orders and the value of new orders. Party A will only deliver goods when Party B's total debt and the value of the new order are within the agreed debt limit.*

3. Thời điểm thanh toán được tính là ngày Bên A nhận được tiền, không phân biệt cách thức chi trả. Nếu trả làm nhiều lần cho một hóa đơn thì thời điểm được tính là lúc thanh toán cho lần cuối cùng.

*The payment date is considered to be the date on which Party A receives the money, regardless of the payment method. If multiple payments are made for a single invoice, the payment date is considered to be the date of the final payment*

4. Số tiền chậm trả ngoài thời gian đã quy định, phải chịu lãi theo mức lãi suất cho vay của ngân hàng trong cùng thời điểm. Nếu việc chậm trả kéo dài hơn 3 tháng thì bên B phải chịu thêm lãi suất quá hạn của ngân hàng cho số tiền chậm trả và thời gian vượt quá 3 tháng.

*Any late payments beyond the agreed period will incur interest at the bank's lending rate at that time. If the delay exceeds 3 months, Party B must also pay overdue interest on the late amount for the period exceeding 3 months.*

5. Trong trường hợp cần thiết, Bên A có thể yêu cầu Bên B thế chấp tài sản mà Bên B có quyền sở hữu để bảo đảm cho việc thanh toán.

*In necessary cases, Party A may require Party B to provide collateral that Party B owns to secure the payment.*

#### **Điều 4: Giá cả**

##### **Article 4: Price**

1. Các sản phẩm cung cấp cho Bên B được tính theo giá bán sỉ, do Bên A công bố thống nhất trong khu vực.

*The products supplied to Party B will be priced at wholesale rates, as uniformly announced by Party A within the region.*

2. Giá cung cấp này có thể thay đổi theo thời gian nhưng Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B ít nhất là .....ngày. Bên A không chịu trách nhiệm về sự chênh lệch giá trị tồn kho do chênh lệch giá nếu có xảy ra.

*This supply price may be changed over time, but Party A will notify Party B at least... days in advance. Party A is not responsible for any discrepancies in the value of inventory due to price differences if they occur.*

3. Tỷ lệ hoa hồng: .....

*Commission rate: .....*

#### **Điều 5: Bảo hành**

##### **Article 5: Warranty**

Bên A bảo hành riêng biệt cho từng sản phẩm cung cấp cho Bên B trong trường hợp bên B tiến hành việc tồn trữ, vận chuyển, hướng dẫn sử dụng và giám sát, nghiệm thu đúng với nội dung đã huấn luyện và phổ biến của Bên A.

*Party A provides a separate warranty for each product supplied to Party B, provided that Party B conducts storage, transportation, usage instructions,*

*supervision, and acceptance in accordance with the training and guidelines disseminated by Party A.*

## **Điều 6: Hỗ trợ**

### **Article 6: Support**

1. Bên A cung cấp cho Bên B các tư liệu thông tin khuếch trương thương mại.

*Party A provides commercial promotion materials and information to Party B.*

2. Bên A hướng dẫn cho nhân viên của Bên B những kỹ thuật cơ bản để có thể thực hiện việc bảo quản đúng cách.

*Party A guides Party B's employees on basic techniques to ensure proper storage.*

3. Mọi hoạt động quảng cáo do Bên B tự thực hiện, nếu có sử dụng đến logo hay nhãn hiệu hàng hóa của Bên A phải được sự đồng ý của Bên A.

*Any advertising activities conducted by Party B that involve the use of Party A's logos or trademarks must receive Party A's consent.*

## **Điều 7: Độc quyền**

### **Article 7: Non-Exclusivity**

- Hợp đồng này không mang tính độc quyền trên khu vực.

*This contract is not exclusive within the region.*

- Bên A có thể triển khai ký thêm hợp đồng tổng đại lý với thể nhân khác nếu xét thấy cần thiết để tăng khả năng tiêu thụ hàng hóa của mình.

*Party A may enter into additional agreements with other legal entities as general agents if deemed necessary to increase sales of its products.*

- Bên A cũng có thể ký kết hợp đồng cung cấp sản phẩm trực tiếp cho các công trình trọng điểm bất cứ nơi nào.

*Party A may also sign contracts directly supplying products to major projects anywhere.*

## **Điều 8: Thời hạn hiệu lực, kéo dài và chấm dứt hợp đồng**

### **Article 8: Term, Extension, and Termination of Contract**

1. Hợp đồng này có giá trị kể từ ngày ký đến hết ngày.....Nếu cả hai bên mong muốn tiếp tục hợp đồng, các thủ tục gia hạn phải được thỏa thuận trước khi hết hạn hợp đồng trong thời gian tối thiểu là .....ngày.



*This contract is valid from the signing date until the end of .... If both parties wish to continue the contract, the renewal procedures must be agreed upon before the contract expires, with a minimum notice period of ...days.*

2. Trong thời gian hiệu lực, một bên có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải báo trước cho Bên kia biết trước tối thiểu là.....ngày.

*During the validity period, either party may unilaterally terminate the contract but must provide advance notice to the other party of at least ... days.*

3. Bên A có quyền đình chỉ ngay hợp đồng khi Bên B vi phạm một trong các vấn đề sau đây:

*Party A has the right to immediately suspend the contract if Party B violates any of the following:*

- Làm giảm uy tín thương mại hoặc làm giảm chất lượng sản phẩm của Bên A bằng bất cứ phương tiện và hành động nào.

*Damages Party A's commercial reputation or reduces the quality of Party A's products through any means or actions.*

- Bán phá giá so với Bên A quy định.

*Engages in price undercutting compared to Party A's regulations.*

- Khi bị đình chỉ hợp đồng, Bên B phải thanh toán ngay cho Bên A tất cả nợ còn tồn tại.

*Upon contract suspension, Party B must immediately settle all outstanding debts to Party A.*

## **Điều 9: Bồi thường thiệt hại**

### **Article 9: Compensation for Damages**

1. Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A giá trị thiệt hại do mình gây ra ở các trường hợp sau:

*Party B is responsible for compensating Party A for the value of damages caused in the following cases:*

- Bên B yêu cầu đơn đặt hàng đặc biệt, Bên A đã sản xuất nhưng sau đó Bên B hủy bỏ đơn đặt hàng đó.

*Party B requests a special order, which Party A produces, but Party B subsequently cancels the order.*

- Bên B hủy đơn đặt hàng khi Bên A trên đường giao hàng đến Bên B.

*Party B cancels an order while Party A is in transit delivering the goods to Party B.*

- Bên B vi phạm các vấn đề nói ở Điều 7 đến mức Bên A phải đình chỉ hợp đồng.

*Party B violates the issues mentioned in Article 7 to the extent that Party A must suspend the contract.*

2. Bên A bồi thường cho Bên B trong trường hợp giao hàng chậm trễ hơn thời gian giao hàng thỏa thuận gây thiệt hại cho Bên B.

*Party A compensates Party B in case of delayed delivery beyond the agreed delivery time causing damage to Party B.*

3. Trong trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên nào muốn chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia nếu có.

*In the event of unilateral termination of the contract, the party wishing to terminate the contract must compensate the other party for any damages incurred.*

## **Điều 10: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

### **ARTICLE 10: FORCE MAJEURE EVENTS**

1. Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là những sự kiện nằm ngoài sự kiểm soát của các Bên, không thể lường trước được khiến cho bất cứ Bên nào hoặc cả Hai bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này: Sự cấm đoán, hành vi hoặc sự trì hoãn của Chính phủ, của chính quyền địa phương; bạo loạn, chiến tranh, tình trạng khẩn cấp của Quốc gia (cho dù có tuyên bố hay không) bạo động hoặc đình công, động đất hoặc các thiên tai khác; Sự thay đổi của chính sách, pháp và tất cả các sự kiện khác nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên (“Sự Kiện Bất Khả Kháng”).

*Force majeure events mean events beyond the control of either Party, unforeseeable, which prevent either Party or both Parties from fulfilling their obligations under this Contract. These include sanctions, acts or delays by the government or local authorities; riots, war, national emergencies (whether declared or not), civil unrest or strikes, earthquakes, or other natural disasters; changes in policies, laws, and all other events beyond the control of the Parties ("Force Majeure Events").*

2. Trường hợp một Bên bị trì hoãn hoặc cản trở thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng do Sự Kiện Bất Khả Kháng (“Bên Bị Ảnh Hưởng”), Bên Bị Ảnh Hưởng phải:

*In the event that a Party is delayed or hindered in performing its obligations under the Contract due to a Force Majeure Event ("Affected Party"), the Affected Party must:*

(i) thông báo bằng văn bản tới Bên còn lại về Sự Kiện Bất Khả Kháng và những chứng cứ hợp lý của sự kiện này.

*notify the other Party in writing of the Force Majeure Event and provide reasonable evidence of this event.*

(ii) gửi thông báo bằng văn bản tới Bên còn lại thông báo về sự trì hoãn hoặc trở ngại này sớm nhất trong khả năng có thể và xác định ngày bắt đầu và mức độ của sự trì hoãn hoặc trở ngại này, nguyên nhân của sự trì hoãn hoặc trở ngại này và thời gian ước tính của sự trì hoãn hoặc trở ngại này.

*send written notice to the other Party as soon as possible about the delay or obstacle, specifying the start date and extent of the delay or obstacle, the cause of the delay or obstacle, and the estimated duration of the delay or obstacle.*

(iii) sử dụng tất cả những nỗ lực hợp lý để giảm thiểu tới mức thấp nhất tác động của sự trì hoãn hoặc trở ngại này đến việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng này; và

*use all reasonable efforts to minimize the impact of the delay or obstacle on the performance of its obligations under this Contract; and*

(iv) tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình sớm nhất có thể sau khi loại bỏ được lý do gây ra sự trì hoãn hoặc trở ngại này.

*resume its obligations as soon as possible after the removal of the cause of the delay or obstacle.*

3. Khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng, thời hạn để thực hiện nghĩa vụ bị chậm trễ do bị ảnh hưởng của Sự kiện bất khả kháng sẽ được kéo dài tương ứng với thời gian tồn tại của Sự kiện bất khả kháng mà Bên chịu ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng này. Nếu sau ba (03) tháng liên tiếp, kể từ ngày xảy ra Sự kiện bất khả kháng mà Bên chịu ảnh hưởng không thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình thì một trong các bên có quyền chấm dứt và tiến hành thanh lý Hợp đồng này.

*3. In the event of a Force Majeure Event, the deadline for performing obligations delayed due to the Force Majeure Event shall be extended corresponding to the duration of the Force Majeure Event that prevents the Affected Party from fulfilling its obligations under this Contract. If after three (03) consecutive months from the occurrence of the Force Majeure Event the Affected Party is unable to continue fulfilling its obligations, either party has the right to terminate and proceed with the liquidation of this Contract.*

## **ĐIỀU 11. THÔNG BÁO**

### **ARTICLE 11. NOTIFICATION**

1. Bất kỳ thông báo, yêu cầu, thông tin, mọi thay đổi về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi trong các điều khoản đã thỏa thuận, khiếu nại phát sinh liên quan đến Hợp đồng này phải được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt và gửi đến các địa



chỉ ở phần đầu Hợp đồng này hoặc địa chỉ thay đổi sau này theo thông báo của Hai Bên.

*Any notice, request, information, any change in responsibilities, obligations, and benefits in the agreed terms, and complaints arising related to this Contract must be made in writing in Vietnamese and sent to the addresses at the beginning of this Contract or to an address subsequently changed by notice from both Parties.*

2. Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, tất cả các thông báo sẽ được gửi qua bưu điện hoặc giao trực tiếp. Khi bưu điện không phát thư được vì bất kỳ lý do gì thì Bên thông báo sẽ thông tin cho Bên kia được biết và gửi thông báo bằng fax hoặc thư điện tử cho Bên kia. Trong một số trường hợp đặc biệt khẩn cấp, một trong Hai Bên đồng ý hình thức thông báo cho Bên kia bằng điện thoại trực tiếp.

*Unless otherwise agreed, all notices will be sent by post or delivered directly. If the post office is unable to deliver the mail for any reason, the notifying Party will inform the other Party and send the notice by fax or email. In some particularly urgent cases, either Party may agree to notify the other Party directly by phone.*

3. Hai Bên thống nhất rằng, các thông báo, yêu cầu, thông tin, khiếu nại được coi là đã nhận nếu đúng địa chỉ, đúng tên người nhận, đúng hình thức thông báo theo thỏa thuận tại Khoản 1,2 nêu trên và thời gian được xác định như sau:

*The Parties agree that notices, requests, information, and complaints are considered received if they are correctly addressed, correctly named, and in the agreed form of notification as specified in Clauses 1 and 2 above. The timing is determined as follows:*

a. Khi giao trực tiếp: là ngày gửi và có chữ ký của người nhận thông báo;

*a. When delivered directly: the date of delivery with the recipient's signature.*

b. Khi gửi qua bưu điện: sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày đóng dấu bưu điện đến;

*b. When sent by post: two (2) working days from the postmarked date of sending.*

c. Khi gửi qua fax: là thời điểm Bên đó nhận được được tín hiệu chuyển fax thành công;

*c. When sent by fax: the time the fax transmission is successfully completed.*

d. Trong các trường hợp này, nếu ngày tương ứng rơi vào ngày chủ nhật hoặc ngày lễ của Việt Nam thì các thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ giao dịch... nói trên sẽ được xem như bên kia nhận được vào ngày kế tiếp.

*d. In these cases, if the corresponding day falls on a Sunday or a Vietnamese holiday, the notices, requests, complaints, or correspondence will be deemed received on the next working day.*

4. Hai Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có đề nghị thay đổi địa chỉ, hình thức, tên người nhận thông báo... Nếu Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

*The Parties must notify each other in writing if there are any changes to the address, form, or name of the recipient of the notice. If the Party with the change does not inform the other Party, the notifying Party will not be responsible if the Party with the change does not receive the notification documents.*

## **ĐIỀU 12. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

### **ARTICLE 12. DISPUTE RESOLUTION**

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Thương mại Miền Trung (MCAC) theo Quy tắc Tổ tụng trọng tài của Trung tâm này.

*Any dispute arising out of or in connection with this Contract shall be resolved by arbitration at the Middle Commercial Arbitration Center (MCAC) in accordance with its Arbitration Rules.*

## **ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

### **ARTICLE 13. GENERAL PROVISIONS**

1. Hợp đồng này được giải thích và hiểu theo pháp luật Việt Nam.

*This contract is interpreted and understood in accordance with Vietnamese law.*

2. Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các điều khoản của Hợp đồng. Các điều khoản, nội dung công việc cam kết trong Hợp đồng khi cần có thể được sửa đổi, bổ sung, lập phụ lục thỏa thuận Hợp đồng giữa Hai bên. Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung hoặc lập Phụ lục Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có chữ ký của Hai bên và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.

*The parties commit to fully and correctly performing all terms of the Contract. The terms and agreed-upon work content in the Contract can be amended, supplemented, or detailed in an appendix to the Contract between the two parties when necessary. Any amendment, supplement, or appendix to the Contract must be made in writing, signed by both parties, and considered an integral part of the Contract.*

3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Hai Bên cùng ký kết. Hợp đồng này là toàn bộ thỏa thuận giữa các bên và thay thế bất kỳ thỏa thuận, cam kết, sắp xếp, thông đạt hoặc diễn đạt ý định nào mà có liên quan đến nội dung Hợp đồng này.

Hợp đồng này được xem là kết thúc khi có Biên bản thanh lý Hợp đồng được đại diện hợp pháp của 02 Bên ký kết.

*This contract is effective from the date it is signed by both parties. This contract constitutes the entire agreement between the parties and supersedes any agreements, commitments, arrangements, communications, or expressions of intent related to the content of this Contract. This contract is considered concluded when a contract liquidation record is signed by the legal representatives of both parties.*

4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

*This contract is made in 04 (four) copies, each having equal legal validity; each party retains 02 (two) copies.*

5. Hợp đồng này được ký bởi đại diện có thẩm quyền của các Bên vào ngày được nêu ở phần đầu.

*This contract is signed by the authorized representatives of the Parties on the date indicated at the beginning.*

**CÁC THỎA THUẬN KHÁC (Nếu có)**

***OTHER AGREEMENTS (If any)***

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
***Representative of Party A***

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
***Representative of Party B***

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_